

Bản án số: 22/2020/HS-ST

Ngày 08-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020, Quyết định thay đổi Thẩm phán số 01/2020/QĐ-TA ngày 09/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/HSST-QĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự số 01/2020/TB-TA ngày 07/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/HSST-QĐ ngày 10 tháng 4 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự số 02/2020/TB-TA ngày 21/4/2020 đối với các bị cáo:

1. **Đàm Xuân T**, sinh năm 1989 tại huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn N và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Ngô Thị P và 01 con; tiền sự: Không.

Tiền án:

+ Tại Bản án số 01/2011/HSST ngày 19/01/2011, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt Đàm Xuân T 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (giá trị tài sản trộm cắp là 5.140.000 đồng); chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/7/2011, chưa được xóa.

+ Tại Bản án số 16/2013/HSST ngày 20/3/2013, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt Đàm Xuân T 06 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" (đã áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm); chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2013, chưa được xóa.

+ Tại Bản án số 69/2015/HSST ngày 30/11/2015, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt Đàm Xuân T 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (giá trị tài sản trộm cắp là 3.785.200 đồng, đã áp dụng tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm); chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/11/2017, chưa được xóa.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương trong vụ án khác; có mặt.

2. **Đàm Văn K**, sinh năm 1991 tại huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T2, xã A1, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn H và bà Nguyễn Thị N2; có vợ là Lương Thị Kim Y và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương trong vụ án khác; có mặt.

3. **Nguyễn Bá Đ**, sinh năm 1990 tại huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn N3, xã A2, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá K2 và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Thị N3 và 02 con; tiền án: Không.

Tiền sự: Tại Quyết định số 23/2018/QĐ-TA ngày 12/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Bá Đ, thời hạn 01 năm 06 tháng; chưa thi hành, chưa được xóa.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 68/2013/HSST ngày 24/9/2013, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Bá Đ 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (giá trị tài sản trộm cắp là 7.100.000 đồng); chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/03/2014, đã được xóa.

+ Tại Bản án số 89/2019/HS-ST ngày 11/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Bá Đ 06 tháng tù về tội "Đánh bạc" (số tiền đánh bạc là 8.260.000 đồng). Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này thì bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/12/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1987 và chị Trần Thị H2, sinh năm 1990; đều trú tại: Thôn X, xã Đ2, huyện G, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Ông Đinh Kim T2, sinh năm 1960 và bà Đoàn Thị V, sinh năm 1963; đều trú tại: Thôn X, xã Đ2, huyện G, tỉnh Hải Dương; (bà V ủy quyền cho ông T2 tham gia tố tụng, ông T2 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đàm Xuân T đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 13/11/2019, Đàm Văn K và Nguyễn Bá Đ đến gặp và rủ T đi trộm cắp tài sản là xe máy để bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. Để thực hiện hành vi phạm tội, T chuẩn bị một xe mô tô nhãn hiệu Honda – Vision, màu trắng, BKS 17B1-086.18 và 01 chiếc kim thủy lực dùng để cắt phá khóa được đựng trong một chiếc ba lô màu đen. K điều khiển xe mô tô BKS 17B1-086.18 của T chở Đ ngồi giữa, T ngồi sau cùng đi từ huyện Q, tỉnh Thái Bình qua cầu Hiệp sang địa phận huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương để tìm kiếm gia đình nào sơ hở thì cùng nhau trộm cắp tài sản. Đến khoảng 03 giờ ngày 14/11/2019, K điều khiển xe chở Đ và T đến thôn Thọ Xương, xã Đức Xương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đi xe vào một ngõ nhỏ, kích đường bê tông của xóm thì dừng xe lại ngay gần cổng nhà anh Phạm Văn T1. Đ ngồi sẵn trên xe mô tô để cảnh giới, T và K quan sát qua cổng sắt nhà anh T1 thấy ở khu vực lán xe có để xe máy, lán xe không có cửa, nhà anh T1 đã đi ngủ. K đi ra chỗ Đ lấy chiếc kim thủy lực đựng trong chiếc ba lô rồi đi đến cổng nhà anh T1. Tại đây, T và K đã sử dụng bộ kim thủy lực cắt đứt chiếc khóa đang khóa cổng nhà anh T1. Sau khi mở được cổng nhà anh T1, T đi vào phía trong sân rồi đi tiếp vào lán để xe nhà anh T1. K thu bộ kim thủy lực lại rồi mang ra xe chỗ Đ đang đứng. Tại lán để xe nhà anh T1, T nhìn thấy có 03 chiếc xe mô tô: 01 chiếc xe Yamaha - Exciter màu xanh, 01 xe tay ga tối màu và chiếc xe mô tô nhãn hiệu SAKA, BKS 34N3-5076 có cấm sẵn chìa khóa trên xe. T tiến lại chiếc xe BKS 34N3-5076 rồi dong chiếc xe này ra cổng thì gặp K đang đi tới. K tiếp tục dong chiếc xe này ra xa cổng nhà anh T1 rồi nổ máy xe. T đi ra chỗ Đ, Đ điều khiển xe chở T, K điều khiển xe vừa trộm cắp được của gia đình anh T1. Đi được một đoạn khoảng 450m thì K nói với T và Đ đây là chiếc xe đều, K bỏ lại chiếc xe này tại bụi chuối phía bên trái đường gần trạm biến áp thôn Thọ Xương, xã Đức Xương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. K tiếp tục điều khiển xe mô tô BKS 17B1-086.18 chở Đ và T phía sau đi tiếp vào trong thôn Thọ Xương, xã Đức Xương, huyện Gia Lộc. Đi đến cổng nhà ông Đinh Kim T2 thì dừng lại. Qua quan sát, T thấy ở lối đi nhỏ trong sân nhà ông T2 để chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda – Wave, BKS 34B2-745.18. T nhảy qua tường nhà ông T2 vào bên trong kiểm tra thì thấy chiếc xe mô tô BKS 34B2-745.18 được khóa bánh sau bằng một chiếc khóa hình chữ U. T bảo K đưa cho T ba lô đựng kim thủy lực. T một mình dùng kim thủy lực cắt chiếc khóa hình chữ U đang khóa bánh sau xe. Sau đó, T cho chiếc khóa này lên bụng xe của ông T2 rồi đưa ba lô đựng kim thủy lực cho K ở ngoài đường. T dong chiếc xe ra sát cổng. Tại đây, T đứng trong cổng, K đứng ngoài cổng rồi cùng nhau dùng kim thủy lực cắt đứt 02 chiếc khóa dùng khóa cổng nhà ông T2. Khi mở được cổng thì T dong xe ra ngoài, K thu dọn bộ kim thủy lực cho lên xe của T. K và Đ đi xe máy của T đẩy T ngồi trên xe vừa trộm cắp được của gia đình ông T2 đi khỏi cổng nhà ông T2. Đi đến khu vực cánh đồng, gần nhà văn hóa thôn Thọ Xương, xã Đức Xương thì dừng xe lại. Tại đây, T đã nối dây điện xe mô tô BKS 34B2-745.18 rồi nổ máy xe, Đ sang điều khiển chiếc xe BKS 34B2-745.18 đi trước về cầu Hiệp chờ T và K. T và K đi tiếp sang huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Tại

đây, vẫn dùng thủ đoạn như vậy T và K đã trộm cắp thêm một chiếc xe nhãn hiệu Honda – Dream trên địa bàn thôn Mai Động, xã Hồng Đức, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Sau đó, cả ba gặp nhau tại khu vực cầu Hiệp và đã tiêu thụ hai chiếc xe trên lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Sáng ngày 14/11/2019, gia đình anh Thiệu phát hiện sự việc và đã đi tìm kiếm tài sản, thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu SAKA, biển kiểm soát 34N3-5076 của gia đình ở rìa đường khu vực bụi chuối gần trạm biển áp thôn Thọ Xương, xã Đức Xương, huyện Gia Lộc.

Kết luận định giá tài sản số: 34/KLĐG-HĐ ngày 28/11/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự- UBND huyện Gia Lộc kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave (đã qua sử dụng); biển kiểm soát: 34B2-745.18; số máy: HC12B5572437; số khung: 1213DY572452; vành đĩa; dung tích: 97^{CC}; đăng ký lần đầu ngày 24/3/2015; lắp ráp tại Việt Nam giá trị là: 11.400.000đ (mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SAKA (đã qua sử dụng); biển kiểm soát: 34N3-5076; số máy: FMH713232; số khung: MV71013232; vành đĩa; dung tích: 107^{CC}; đăng ký lần đầu: 14/02/2008; sản xuất tại Trung Quốc giá trị là: 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị của hai chiếc xe trên là 12.900.000đ (mười hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 03/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Đàm Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS); truy tố các bị cáo Đàm Văn K, Nguyễn Bá Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa: VKSND huyện Gia Lộc giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; các điều 17, 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Đàm Xuân T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điều 17, 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với hai bị cáo Đàm Văn K và Nguyễn Bá Đ.

Tuyên bố các bị cáo Đàm Xuân T, Đàm Văn K và Nguyễn Bá Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Đàm Xuân T từ 27 đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đàm Văn K từ 10 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Đ từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 03/12/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại là ông Đinh Kim T2, bà Đoàn Thị V giá trị chiếc xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát: 34B2-745.18 là 11.400.000đ (mười một triệu bốn trăm nghìn đồng); bị cáo K, bị cáo Đ mỗi bị cáo đã bồi thường cho ông T2 bà V 4.000.000 đồng, tổng là 8.000.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo T và ông T2, buộc bị cáo T phải bồi thường cho ông T2, bà V số tiền 4.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về án phí: Các bị cáo T, K, Đ phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự và bị cáo T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị hại là anh T1 xác định đã được nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu SAKA biển kiểm soát: 34N3-5076 mà các bị cáo chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì. Ông T2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho ông giá trị chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt và xác định bị cáo K, bị cáo Đ đã bồi thường cho ông tổng 8.000.000 đồng và ông đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K, bị cáo Đ; ông yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho ông số tiền 4.000.000 đồng.

Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố và luận tội của VKSND huyện Gia Lộc đối với các bị cáo là đúng và nói lời sau cùng đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo T nhất trí bồi thường cho bị hại là ông T2 bà V số tiền 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 14/11/2019, tại thôn Thọ Xương, xã Đức Xương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, lợi dụng đêm khuya, Nguyễn Bá Đ cảnh giới

để Đàm Xuân T và Đàm Văn K thực hiện hành vi dùng kim thủy lực cắt phá khóa cổng vào gia đình anh Phạm Văn T1 lên lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu SAKA BKS: 34N3-5076 trị giá 1.500.000 đồng của vợ chồng anh Phạm Văn T1, chị Trần Thị H2. Tiếp đó đến khoảng 04 giờ cùng ngày cũng dùng thủ đoạn trên, T, K, Đ tiếp tục lên lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda – Wave BKS: 34B2-745.18 trị giá là 11.400.000 đồng của vợ chồng ông Đinh Kim T2 bà Đoàn Thị V cũng tại thôn Thọ Xương, xã Đức Xương, huyện Gia Lộc. Tổng trị giá tài sản mà T, K, Đ đã chiếm đoạt là: 12.900.000 đồng.

[3] Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý lên lút thực hiện, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.900.000 đồng nên hành vi của bị cáo K, bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Bị cáo T đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên vẫn thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Như vậy, VKSND huyện Gia Lộc truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng giáo dục, trừng trị, răn đe và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Vai trò, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo tuy có sự thống nhất cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công, câu kết chặt chẽ với nhau nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo K, bị cáo Đ đến gặp và rủ bị cáo T nên K, Đ là người khởi xướng, T trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, K hỗ trợ T thực hiện tích cực, Đ thực hiện việc cảnh giới; T liên hệ để cho K, Đ đem tài sản trộm cắp đi tiêu thụ và cùng nhau tiêu xài nên các bị cáo đều là người thực hành, bị cáo K và bị cáo T giữ vai trò ngang nhau và bị cáo Đ có vai trò sau cùng.

[6] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã bị kết án về tội "trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên cả hai hành vi chiếm đoạt 02 chiếc xe mô tô trên đều đủ yếu tố cấu thành tội "trộm cắp tài sản", do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.900.000đ nhưng bị cáo T bị truy tố theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo K, Đ đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho gia đình ông T2 để khắc phục hậu quả và đều được bị hại là ông

T2 đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo K, bị cáo Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị H2 đã tìm lại chiếc xe SAKA BKS 34N3- 5076 nên anh chị không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Đối với chiếc khóa cổng mà các bị cáo đã cắt phá để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, anh T1 và chị H2 cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 34B2-745.18 là tài sản chung của ông Đinh Kim T2 và vợ là bà Đoàn Thị V. Trong quá trình điều tra, bị cáo Đ đã tác động đến bố đẻ là ông Nguyễn Bá K2 tự nguyện bồi thường cho gia đình ông T2 số tiền là 4.000.000 đồng. Bị cáo K đã tác động đến mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N2 tự nguyện bồi thường cho gia đình ông T2 số tiền là 4.000.000 đồng. Ông T2, bà V không yêu cầu bị cáo Đ, bị cáo K bồi thường gì thêm và ông bà yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho ông bà số tiền là 4.000.000 đồng. Đối với những chiếc khóa mà các bị cáo đã cắt phá, ông T2 và bà V không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Theo quy định tại Điều 46 BLHS, Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự thì các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại, bị cáo Đ, bị cáo K đã bồi thường cho gia đình ông T2, tại phiên tòa ông T2 không yêu cầu bị cáo Đ, bị cáo K phải bồi thường thêm mà yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho gia đình ông số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo T nhất trí với mức bồi thường mà ông T2, bà V yêu cầu nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này và buộc bị cáo T phải bồi thường cho bị hại là ông T2 bà V số tiền trên là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đã thu giữ và quản lý trong vụ án khác đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda- Vision, màu trắng, BKS 17B1- 086.18; một chiếc kim thủy lực có đặc điểm đầu bơm bằng kim loại màu trắng dài khoảng 35cm nối với ống cao su dài khoảng 180cm, nối với đầu cắt bằng kim loại màu nâu dài khoảng 10cm; một chiếc ba lô bằng vải màu xanh đen mà T, K, Đ đã sử dụng làm phương tiện, công cụ để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; anh Phạm Văn T1 đang quản lý và sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu SAKA, BKS 34N3-5076; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda – Wave, BKS 34B2-745.18 của gia đình ông Đinh Kim T2, Cơ quan CSĐT Công an huyện Gia Lộc chưa thu hồi được, những chiếc khóa các bị cáo đã cắt phá của nhà ông T2 và nhà anh T1 các bị cáo đã vứt đi, không xác định được vị trí nên không đặt ra xử lý.

[10] Đối với hành vi của ông Nguyễn Khắc T3, các bị cáo khai T có gọi điện thoại liên hệ bán 02 chiếc xe cho ông T3 gồm 01 xe trộm cắp của gia đình ông T2, 01 xe trộm cắp tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, sau đó K và Đ đi xe đến bán cho ông T3 được 10.500.000đ. Quá trình điều tra ông T3 không thừa nhận việc đã mua 02 chiếc xe và đều không thu hồi được hai chiếc xe này; Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với ông T3 nên HĐXX không đặt ra xử lý.

[11] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Đàm Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; các điều 17, 38, 58; các điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 46 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự; các điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Đàm Xuân T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điều 17, 38, 58; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Đàm Văn K và bị cáo Nguyễn Bá Đ.

1. Tuyên bố các bị cáo Đàm Xuân T, Đàm Văn K và Nguyễn Bá Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Đàm Xuân T 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đàm Văn K 11 (mười một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Đ 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 03/12/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đàm Xuân T phải bồi thường cho vợ chồng ông Đinh Kim T2, bà Đoàn Thị V số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

3. Về án phí: Các bị cáo Đàm Xuân T, Đàm Văn K và Nguyễn Bá Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đàm Xuân T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra, Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự, Công an huyện Gia Lộc;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, Công an huyện Gia Lộc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Vương Đình Thi